

Số: 185/2014/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động  
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác;

Căn cứ Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Liên bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Xét đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Tờ trình số 07/TTr-HĐND.TT ngày 09 tháng 7 năm 2014 và ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4750/UBND.TM ngày 08 tháng 7 năm 2014;

Trên cơ sở ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định một số chế độ chi tiêu tài chính đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là HĐND cấp huyện), Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là HĐND cấp xã) bao gồm:

- a. Chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân (HĐND);
- b. Chi phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát;
- c. Chi hỗ trợ điếm tiếp xúc cử tri;
- d. Chi phụ cấp cho các chức danh kiêm nhiệm của HĐND;
- đ. Chi hỗ trợ đối với Đại biểu HĐND các cấp; chế độ công tác phí;
- e. Chi cho các cuộc họp, giao ban, hội nghị, hội thảo của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND;
- g. Một số nội dung chi khác phục vụ hoạt động HĐND.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

Nghị quyết này được áp dụng cho các đối tượng sau đây: Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp HĐND, Đại biểu HĐND các cấp và các đối tượng khác phục vụ cho hoạt động của HĐND.

### **Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân phải có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo kịp thời, thống nhất trong mức chi, mục chi, đối tượng chi trên cơ sở chế độ, định mức quy định tại nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND, thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc chi phục vụ cho các đoàn công tác (giám sát, khảo sát, kiểm tra) của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và thành viên khác cùng tham gia đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

4. Thường trực HĐND các cấp căn cứ dự toán được giao hàng năm và tình hình thực tế của từng địa phương để bố trí mức chi cho phù hợp, nhưng không được vượt quá mức chi tại Nghị quyết này.

### **Điều 3. Chế độ, định mức chi cụ thể**

#### **1. Chi phục vụ kỳ họp HĐND:**

- a. Chi xây dựng báo cáo, văn bản:

- Báo cáo tổng hợp chung kết quả thảo luận tại các tổ:
  - + Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/1 báo cáo;
  - + Cấp huyện: 1.000.000 đồng/1 báo cáo.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trước và sau kỳ họp:
  - + Cấp tỉnh: 700.000 đồng/1 báo cáo;
  - + Cấp huyện: 300.000 đồng/1 báo cáo;
  - + Cấp xã: 100.000 đồng/1 báo cáo.
- Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng, năm của Thường trực HĐND; Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng, năm của các Ban HĐND:
  - + Cấp tỉnh: 700.000 đồng/1 báo cáo;
  - + Cấp huyện: 300.000 đồng/1 báo cáo;
  - + Cấp xã: 100.000 đồng/1 báo cáo.
- Báo cáo tổng hợp thẩm tra các báo cáo trình kỳ họp của Thường trực HĐND, các Ban HĐND:
  - + Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/1 báo cáo tổng hợp
  - + Cấp huyện: 400.000 đồng/1 báo cáo tổng hợp
  - + Cấp xã: 100.000 đồng/1 báo cáo tổng hợp
- Xây dựng Chương trình kỳ họp; định hướng thảo luận; nội dung chất vấn cho kỳ họp; đề cương báo cáo kết quả kỳ họp:
  - + Cấp tỉnh: 400.000 đồng/1 văn bản;
  - + Cấp huyện: 200.000 đồng/1 văn bản;
  - + Cấp xã: 100.000 đồng/1 văn bản.
- b. Mức chi cho Chủ tọa, Thư ký kỳ họp:
  - Chủ tọa kỳ họp:
    - + Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày;
    - + Cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày;
    - + Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày;
  - Thư ký kỳ họp:
    - + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;
    - + Cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;
    - + Cấp xã: 70.000 đồng/người/ngày;
- c. Đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp của HĐND được bố trí ăn, nghỉ tại các địa điểm do Văn phòng bố trí:
  - Chế độ ăn đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu dự kỳ họp theo giấy mời và các cán bộ, chuyên viên trực tiếp phục vụ:

+ Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

+ Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;

+ Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

- Chế độ ăn của phóng viên, lái xe, công an bảo vệ và phục vụ gián tiếp:

+ Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/ngày;

+ Cấp huyện: 80.000đ đồng/người/ngày;

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày.

- Chế độ phòng ở: Đại biểu HĐND tỉnh, khách mời, lái xe ở xa áp dụng theo Thông tư 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

d. Chi xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết của HĐND: thực hiện theo quy định của Thông tư 47/2012/TTLB - BTC – BTP và Quyết định số 89/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## **2. Chi hoạt động giám sát, khảo sát:**

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, mức chi bồi dưỡng cho Đại biểu HĐND, các thành phần tham gia phục vụ đoàn giám sát, khảo sát như sau :

a. Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực, các Ban HĐND:

- Đại biểu HĐND tỉnh, thành viên khác của Đoàn giám sát, khảo sát tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi;

- Đại biểu HĐND cấp huyện, thành viên khác của Đoàn giám sát, khảo sát huyện: 60.000 đồng/người/buổi;

- Đại biểu HĐND cấp xã, thành viên khác của Đoàn giám sát, khảo sát xã: 40.000 đồng/người/buổi;

- Phóng viên, lái xe (cấp tỉnh, cấp huyện): 30.000 đồng/người/buổi

b. Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát:

- Mức chi xây dựng các văn bản thành lập Đoàn giám sát, khảo sát; Đề cương giám sát, khảo sát; Kế hoạch giám sát, khảo sát:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/1 cuộc;

+ Cấp huyện: 300.000 đồng/1 cuộc;

+ Cấp xã: 100.000 đồng/1 cuộc.

- Mức chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát:

+ Cấp tỉnh: 700.000 đồng/1 cuộc;

+ Cấp huyện: 400.000 đồng/1 cuộc;

+ Cấp xã: 200.000 đồng/1 cuộc.

### **3. Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri:**

Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri để trang trải chi phí cần thiết như : trang trí, hội trường, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác.

a. Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh, HĐND cấp huyện: 700.000 đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri;

b. Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp xã: 200.000 đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri.

### **4. Chi phụ cấp đại biểu HĐND kiêm nhiệm:**

a. Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Chủ tịch HĐND, Trưởng ban HĐND ở cấp tỉnh và cấp huyện thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng (Thực hiện theo Thông tư 78/2005/BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác).

b. Người đang giữ các chức vụ Đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Phó Trưởng Ban HĐND, thành viên Ban HĐND, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh và HĐND cấp huyện thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng, cụ thể:

- Phó Trưởng ban HĐND cấp tỉnh, huyện: 7% mức lương hiện hưởng;

- Thành viên ban HĐND cấp tỉnh, huyện: 4% mức lương hiện hưởng;

- Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, huyện: 3% mức lương hiện hưởng.

c. Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã thì phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

d. Người nào kiêm nhiệm một lúc nhiều chức danh thì chỉ được hưởng chức danh có mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

### **5. Chế độ chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND các cấp:**

a. Chế độ báo chí: Báo Đại biểu nhân dân được cấp cho:

- Đại biểu HĐND tỉnh: 01 số/ngày;

- Thường trực HĐND cấp huyện: 03 số/ngày;

- Thường trực HĐND cấp xã: 01 số/ngày.

b. Chi hỗ trợ phương tiện đi lại: Đại biểu HĐND tỉnh ngoài biên chế được hỗ trợ tiền thuê phương tiện đi lại theo các vùng như sau:

- Vùng núi cao: 400.000 đồng/đại biểu /kỳ họp;
- Vùng núi thấp: 300.000 đồng/đại biểu /kỳ họp;
- Vùng đồng bằng: 200.000 đồng/đại biểu /kỳ họp.

c. Một nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp tiền may 01 bộ trang phục (lễ phục) với mức chi:

- Cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/bộ/đại biểu;
- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/bộ/đại biểu;
- Cấp xã: 1.000.000 đồng/bộ/đại biểu.

d. Một nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh được trang cấp một máy vi tính xách tay.

đ. Đại biểu HĐND tỉnh được khoán cấp tài liệu bao gồm: báo chí, phí khai thác tài liệu trên internet theo mức khoán bằng 200.000 đồng/người/tháng;

#### **6. Chế độ công tác phí:**

a. Chế độ công tác phí: thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. HĐND chỉ thanh toán công tác phí và các chi phí khác cho Đại biểu đi giám sát, khảo sát hoặc thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực, lãnh đạo các Ban HĐND.

Chế độ công tác phí của Đại biểu HĐND đi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu do cơ quan nơi Đại biểu HĐND công tác đưa vào dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả.

b. Chế độ xăng xe: Đối với Đại biểu HĐND kiêm nhiệm có sử dụng xe của cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác để thực hiện nhiệm vụ của HĐND thì cơ quan đó đưa vào dự toán kinh phí hàng năm phục vụ hoạt động của Đại biểu HĐND trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả.

#### **7. Chế độ họp, hội nghị, giao ban, hội thảo của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND:**

a. Chế độ ăn, nghỉ thực hiện như kỳ họp HĐND.

b. Xây dựng báo cáo, văn bản: Mức chi xây dựng báo cáo (phục vụ họp, hội nghị, giao ban, hội thảo của Thường trực HĐND, các ban HĐND); văn bản thẩm tra và cho ý kiến của Thường trực HĐND; văn bản thẩm tra của các Ban HĐND đối với những vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/1 văn bản;
- Cấp huyện: 200.000 đồng/1 văn bản;
- Cấp xã: 100.000 đồng/1 văn bản.

## **8. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND.**

a. Chế độ chi đối với việc thuê chuyên gia để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND: Tùy theo nội dung và tính chất của chuyên đề, Thường trực HĐND ký hợp đồng với chuyên gia, với mức chi tối đa là 1.000.000 đồng/chuyên đề;

b. Chi công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động của HĐND các cấp; Chi cho đại biểu HĐND đi học tập kinh nghiệm và trao đổi kỹ năng hoạt động do Thường trực HĐND quyết định;

c. Chế độ thăm hỏi, trợ cấp:

- Đại biểu HĐND đương nhiệm khi ốm đau được thăm hỏi với mức chi:

+ Đại biểu HĐND tỉnh: 500.000 đồng/người;

+ Đại biểu HĐND huyện: 300.000 đồng/người;

+ Đại biểu HĐND cấp xã: 200.000 đồng/người.

- Trường hợp Đại biểu HĐND đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt khó khăn đột xuất thì được trợ cấp với mức:

+ Đại biểu HĐND tỉnh: mức chi không quá 2.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm;

+ Đại biểu HĐND huyện, xã: mức chi không quá 1.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm;

- Khi đại biểu HĐND đương nhiệm từ trần thì được thăm viếng với mức:

+ Đại biểu HĐND tỉnh: 1.000.000đ đồng/người;

+ Đại biểu HĐND huyện, xã: 500.000 đồng/người.

- Đại biểu HĐND đương nhiệm có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con từ trần thì được thăm viếng với mức:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người;

+ Cấp huyện, xã: 300.000 đồng/người.

- Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực HĐND với mức:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người;

+ Cấp huyện, xã: 300.000 đồng/người.

d. Chi các khoản đột xuất khác (thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, các đơn vị thuộc diện chính sách xã hội, như: Trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại dưỡng lão, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật, trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an, các tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc, các trường hợp gặp rủi ro, thiên tai và các trường hợp đối ngoại khác): Thường trực HĐND các cấp vận dụng Nghị quyết số 524/2012/NQ.UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội, căn cứ các văn bản quy định của Nhà

nước cấp trên, quy định của Tỉnh uỷ Nghệ An để quyết định mức chi phù hợp với thực tế và khả năng ngân sách cấp cho hoạt động của HĐND các cấp.

đ. Chế độ tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ cho Đại biểu HĐND cấp nào do Thường trực HĐND cấp đó quyết định tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

e. Mỗi một nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, được cấp tiền may một bộ trang phục với mức chi 2.000.000đ/người/bộ;

Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ công chức trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND cấp huyện, cấp xã thuộc Văn phòng HĐND-UBND: được áp dụng như đối với Đại biểu HĐND cùng cấp.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện các chế độ, định mức chi tiêu tài chính được quy định tại Nghị quyết này;

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, đảm bảo nguồn phân bổ trong dự toán chi ngân sách hàng năm để phục vụ hoạt động có tính đặc thù của Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết này;

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014; bãi bỏ Nghị quyết số 18/2011/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- VP Quốc hội; VP Chính phủ (để b/c);
- Ban Công tác Đại biểu – UBTVQH (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Châu**